

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 06 - 02- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Khánh Hợp - Giáo viên trường Trung học phổ thông S, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Ông Hà Quang Hành - Bí thư Đoàn thanh niên xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2017/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/6/1994, tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Ngọc M, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27 ngày 01/11/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; Có mặt.

Những người bị hại:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

2. Nguyễn Xuân D, sinh ngày 02/02/2000; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền lợi cho bị hại Nguyễn Xuân D là bố đẻ ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1974; nơi cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

3. Đỗ Minh T, sinh ngày 14/02/2001; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền lợi cho bị hại Đỗ Minh T là bố đẻ ông Đỗ Văn C, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

Những người có quyền lợi liên quan:

- Anh Lê Đình N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

- Chị Dương Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/10/2017 Bùi Ngọc T đang ở nhà thì nhìn thấy nhóm thanh niên gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân D, Đỗ Minh T và một số người khác cùng trú tại thôn N, xã N điều khiển bốn chiếc xe mô tô đến khu vực bờ suối thuộc thôn A, xã M, huyện V. Tại đây Bùi Ngọc T nhìn thấy nhóm thanh niên dựng xe rồi cất tài sản vào trong các cốp xe mô tô và đi bộ vào khu vực thác nước “Cổng trời” thuộc thôn H, xã T, huyện V. Lúc này Bùi Ngọc T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhóm thanh niên. Sau khi nhìn thấy nhóm thanh niên đi khuất khoảng 20 phút, Tuấn quan sát xung quanh không thấy có người nên đi bộ vị trí các xe mô tô rồi dùng hai tay cạy cốp chiếc xe WEVERSX màu sơn đỏ, đen biển kiểm soát 21K1-137.67 lấy được một chiếc điện thoại di động OPPO NEO5 màu trắng và số tiền 850.000 đồng của Đỗ Minh T; tiếp tục cạy cốp chiếc xe SIRIUS màu sơn trắng, biển kiểm soát 21E1- 007.93 lấy được một chiếc điện thoại di động SAMSUNG G530 màu vàng, một chiếc di động NOKIA 1202 màu đen cùng với số tiền 350.000 đồng của Nguyễn Xuân D và một điện thoại di động MOBELL M 228 màu đen của Nguyễn Văn H. Sau khi lấy được số tài sản trên bị cáo T đem về nhà cất giấu và đã sử dụng hết 200.000 đồng. Đến ngày 11/10/2017 bị cáo mang chiếc điện thoại SAMSUNG G350 màu vàng đến bán cho anh Lê Đình N với giá 350.000 đồng và mang chiếc điện thoại NOKIA 1202 màu đen bán cho chị Dương Thị T với giá 120.000 đồng. Sau khi bán hai chiếc điện thoại trên bị cáo T đã sử dụng hết 230.000 đồng còn lại 240.000 đồng mang về nhà cất giấu. Ngày 13/10/2017 bị cáo T đến Công an huyện Văn Chấn đầu thú. Tại cơ quan điều tra bị cáo Bùi Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 35/KLĐG ngày 23/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Văn Chấn kết luận: Một chiếc điện thoại di động SAMSUNG G530 màu vàng có giá trị 400.000 đồng; Một chiếc điện thoại di động OPPO NEO5 màu trắng có giá trị 600.000 đồng; Một chiếc điện thoại di động NOKIA 1202 màu đen có giá trị 120.000 đồng; Một chiếc điện thoại di động MOBELL M 228 màu đen có giá trị 150.000 đồng. Tổng giá trị bốn chiếc điện thoại là 1.270.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT- KT ngày 22/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo

quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Những người bị hại và những người đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai tài sản bị mất đã nhận lại đầy đủ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Lê Đình N không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi liên quan Dương Thị T vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bản thân đang điều trị rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm; nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp để bị cáo sớm làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Bùi Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ sau khi bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở của các anh Đỗ Minh T, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn H để xe mô tô ở khu vực bờ suối thuộc thôn A xã M, huyện V không có người trông coi, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/10/2017 bị cáo Bùi Ngọc T đã lén lút thực hiện hành vi cạy hai cốp xe mô tô biển kiểm soát 21K1 - 137.67 và 21E1-007.93 trộm cắp tài sản bốn chiếc điện thoại di động tổng giá trị 1.270.000 đồng và 1.200.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản bị cáo Bùi Ngọc T đã trộm cắp có giá trị 2.470.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, bị cáo Bùi Ngọc T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn đã truy tố.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương, nên phải được xử lý công minh theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội; sau khi thực hiện tội phạm bị cáo ra đầu thú; những người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Ngọc T sinh sống tại địa phương không vi phạm pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự. Thể hiện trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo là người không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Từ những quy định của Bộ luật hình sự và nhận xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Bùi Ngọc T có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, đồng thời thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong pháp luật hình sự đối với người phạm tội lần đầu có nhân thân tốt. Nhưng cũng cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội để có tác dụng răn đe giáo dục đối với những người khác biết tôn trọng pháp luật, tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Các vấn đề khác:

Về vật chứng vụ án: Một chiếc điện thoại OPPO NEO 5 màu trắng cũ đã qua sử dụng của Đỗ Minh T; Một chiếc điện thoại di động NOKIA 1202 màu đen cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Xuân D và một điện thoại di động MOBELL M 228 màu đen cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn H. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng đúng quy định pháp luật. Còn một chiếc điện thoại di động SAMSUNG G530 màu vàng cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Xuân D bị cáo đã bán cho anh Lê Đình N, sau khi mua được anh N đã tháo linh kiện lắp vào điện thoại di động khác bán cho khách hàng không biết tên nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Những người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Những kết luận và đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: - Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **01 (Một)** năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Ngọc T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại, đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền lợi cho bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Người có quyền lợi liên quan Lê Đình N có quyền kháng cáo phần Bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan Dương Thị T có quyền kháng cáo phần Bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã M;
- Bị cáo; Người bị hại; Đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Minh Hải